

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L

Số: 208/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đ L, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 324/2025/TBTL - TA ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Lê Thanh T**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 57A tổ 1, khu phố T, phường T, Tân U, tỉnh B.

Chị **Nguyễn Tú H**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: C37, khu quy hoạch H, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Tú H kết hôn với nhau vào năm 2024, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ, tỉnh L. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận H phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, hiện nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay anh T và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có H phúc nên cả hai thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị H. Xét thấy, yêu cầu của anh T và chị H là hoàn T tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Tú H.

[2] Về con chung: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Tú H xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Tú H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị H xác định vợ chồng không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Tú H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh T, chị H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002214 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Anh T và chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND phường D (nay là phường X), thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Lan